

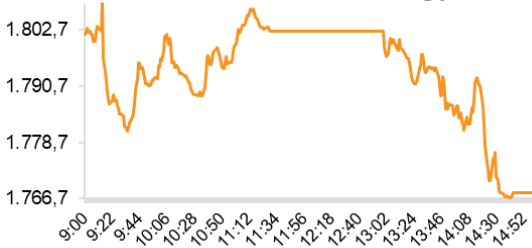
KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

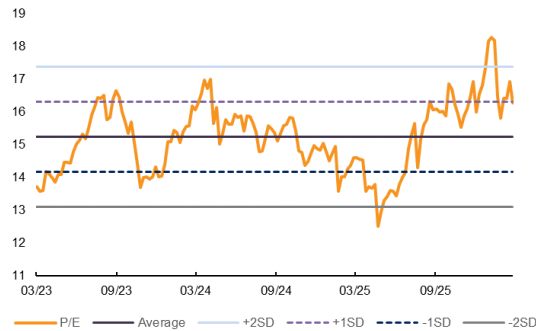
Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.767,8	253,6	126,9
1 ngày (%)	-2,2	-1,5	-0,8
1 tháng (%)	0,7	-1,0	1,1
Từ 2026	-0,9	2,0	4,9
1 Năm (%)	34,1	6,6	27,7
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	323	16	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	1,3	3,8	1,0
Số mã tăng	88	48	128
Số mã giảm	237	104	167
Số mã tham chiếu	78	144	446

Nguồn: Bloomberg

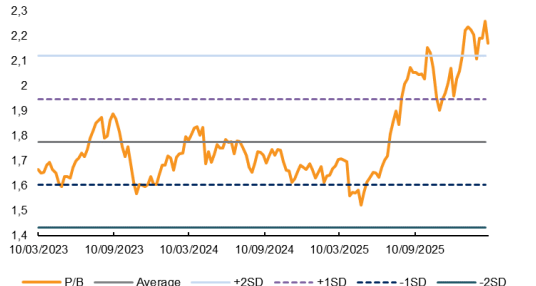
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

Thị trường ghi nhận phiên giảm diện rộng và mất vùng tâm lý 1.800.

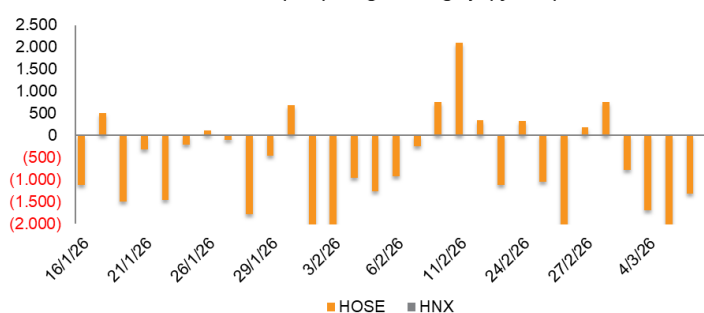
Phiên giao dịch ngày 06/03 chứng kiến làn sóng bán tháo lan rộng trên hầu hết các nhóm ngành, với lực cầu gần như hoàn toàn vắng mặt trong suốt phiên chiều. Kết thúc phiên giao dịch ngày 06/03, VN-Index đóng cửa tại 1.767,84 điểm, giảm 40,67 điểm (-2,25%) so với phiên trước. Độ rộng thị trường phản ánh áp lực của phe bán với 88 cổ phiếu tăng và 237 cổ phiếu giảm, cho thấy áp lực phân phối đang diễn ra trên diện rộng.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 1.904,19 điểm, giảm 38,57 điểm (-1,99%). Trong rõ VN30, lực bán áp đảo hoàn toàn khi chỉ ghi nhận 3 cổ phiếu tăng, trong khi 23 cổ phiếu giảm, phản ánh lực bán duy trì tập trung tại nhóm bluechip. Xét về nhóm ngành, chỉ duy nhất ba nhóm ngành giữ được sắc xanh với biên độ rất mỏng: Dầu khí (+1,29%) phục hồi kỹ thuật nhẹ sau phiên giảm sâu hôm qua, Tài nguyên (+0,12%) và Bảo hiểm (+0,11%). Toàn bộ các nhóm còn lại đều giảm điểm, trong đó Dịch vụ tài chính (-4,41%) là nhóm chịu áp lực bán nặng nề nhất, tiếp theo là Viễn thông Bất động sản (-3,15%) và Hóa chất (-3,26%).

Thanh khoản giao dịch khớp lệnh sàn HOSE ngày 06/03 đạt 29.890 tỷ đồng, giảm 6,9% so với phiên trước song vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất. Đây là phiên thứ hai liên tiếp thanh khoản thu hẹp trong bối cảnh thị trường giảm điểm về lý thuyết, điều này phản ánh áp lực phân phối đang dần giảm cường độ. Tuy nhiên, với mức giảm điểm 40,67 điểm và độ rộng tiêu cực đậm nét, thanh khoản hạ nhiệt chưa thể được xem là tín hiệu đủ mạnh để kết luận lực bán đã cạn kiệt và thị trường có thể đang bước vào giai đoạn bán tháo thụ động khi lực cầu suy yếu. Với VN-Index đã mất 113 điểm (tương đương -6,0%) chỉ trong vòng bốn phiên giao dịch và phá vỡ nhiều ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật, thị trường đang đứng trước giai đoạn thử thách. Nhà đầu tư cần duy trì kỷ luật tuyệt đối trong quản trị rủi ro: (1) Tận dụng các phiên hồi phục cục bộ để tiếp tục tái cơ cấu danh mục, ưu tiên loại bỏ các vị thế thuộc nhóm ngành chịu áp lực bán liên tiếp. (2) Theo dõi sát diễn biến của các nhóm ngành để có cơ hội cơ cấu tài sản tốt nhất. Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: (1) Sự kết hợp giữa VN-Index tiếp cận vùng hỗ trợ kỹ thuật và thanh khoản sụt giảm trong phiên điều chỉnh là điều kiện cần nhưng chưa đủ để cân nhắc giải ngân. Cần thêm ít nhất một phiên xác nhận với độ rộng cải thiện và thanh khoản phục hồi. (2) Nếu thị trường hình thành nền giá rõ ràng, ưu tiên giải ngân thăm dò tỷ trọng nhỏ vào các nhóm có vốn hóa đủ lớn để dẫn dắt nhịp hồi phục và đang giao dịch ở vùng định giá hấp dẫn hơn so với đầu năm.

Ngành	Tỷ trọng VN Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)	Thay đổi (%)	Thay đổi (%)	Thay đổi (%)	% thay đổi khối lượng 1 ngày
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,5	137,1	3,6	-1,0	-4,4	-6,3	21,6	2,7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7,5	23,4	5,2	-2,6	-6,1	-7,7	4,8	0,2
Năng lượng	3,7	33,9	2,8	1,7	37,6	105,2	141,4	-12,6
Tài chính	38,7	12,4	1,8	-1,9	-2,5	2,4	19,5	-1,0
Chăm sóc sức khỏe	0,5	36,8	2,8	-0,1	-0,6	3,2	12,9	59,0
Công nghiệp	7,3	21,7	4,3	-1,1	-1,6	-6,8	36,3	-5,3
Công nghệ thông tin	1,9	15,9	3,7	-3,1	-16,0	-12,5	-30,2	42,2
Vật liệu xây dựng	6,7	21,0	2,0	-1,8	3,5	19,6	13,0	5,3
Bất động sản	23,9	62,0	5,6	-3,3	10,3	-11,6	419,6	-31,4
Dịch vụ tiện ích	5,1	20,3	3,2	-4,7	0,0	39,1	50,8	10,9

Mua(bán) ròng khối ngoại (tỷ VND)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Mỹ: ADP tháng 2 công bố khu vực tư nhân thêm 63.000 việc làm, mức cao nhất kể từ tháng 7/2025, do giáo dục & y tế (+58k) và xây dựng (+19k) dẫn dắt. Tuy nhiên, dịch vụ chuyên nghiệp mất 30.000 việc làm.
- Mỹ: Lãi suất Fed hiện tại 3,50–3,75%. CME FedWatch cho thấy 98% khả năng FOMC giữ nguyên lãi suất trong kỳ họp tháng này. Nếu NFP yếu hơn kỳ vọng, áp lực cắt giảm lãi suất sẽ gia tăng.
- Trung Quốc: Trung Quốc có kế hoạch phát hành 1.300 tỷ nhân dân tệ trái phiếu kho bạc đặc biệt siêu dài hạn, phân bổ 250 tỷ nhân dân tệ cho chương trình trợ cấp đổi mới hàng tiêu dùng và 300 tỷ nhân dân tệ để bổ sung vốn cho các ngân hàng thương mại nhà nước lớn.

Tin vĩ mô trong nước

- Theo số liệu được Cục Thống kê (Bộ Tài chính) công bố sáng 6/3, trong tháng 2/2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 67,16 tỷ USD, giảm 24,1% so với tháng trước và tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 155,7 tỷ USD, tăng 22,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 18,3%; nhập khẩu tăng 26,3%.
- Theo số liệu được Cục Thống kê (Bộ Tài chính) công bố sáng 6/3, trong tháng 2/2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 67,16 tỷ USD, giảm 24,1% so với tháng trước và tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 155,7 tỷ USD, tăng 22,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 18,3%; nhập khẩu tăng 26,3%.

Tin ngành và doanh nghiệp

- **BCM – Becamex Group góp vốn thành lập công ty con tại TP.HCM:** Tập đoàn Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP (Becamex Group, MCK: BCM, sàn HoSE) vừa công bố Nghị quyết về việc góp vốn điều lệ ban đầu thành lập Công ty TNHH MTV WTC Becamex.

Cụ thể, WTC Becamex có vốn điều lệ dự kiến 20 tỷ đồng, trong đó Becamex Group sẽ góp toàn bộ số vốn này, tương đương tỷ sở hữu 100% vốn điều lệ. Thời gian góp vốn chậm nhất ngày 5/4/2026.
- **VCI – Vietcap đặt mục tiêu lợi nhuận 2.300 tỷ đồng, phát hành cổ phiếu ESOP:** Công ty CP Chứng khoán Vietcap (MCK: VCI, sàn HoSE) vừa công bố tài liệu ĐHCĐ thường niên 2026. Đại hội sẽ diễn ra chiều 30/3 tại Sảnh La Scala, Lầu 5, Khách sạn The Reverie Saigon, Số 22-36 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP.HCM.

Theo đó, HĐQT Vietcap đề xuất kế hoạch kinh doanh năm 2026 với tổng doanh thu 6.525 tỷ đồng và lãi trước thuế 2.300 tỷ đồng, lần lượt tăng 30% và 41% so với thực hiện năm 2025. Về cổ tức, HĐQT Vietcap dự trình kế hoạch chia dự kiến 5 - 12%.
- **GAS – nhập khẩu 140.000 tấn LNG, nỗ lực đảm bảo nguồn cung năng lượng quốc gia năm 2026:** Trước bối cảnh giá LNG tăng 50% do xung đột Trung Đông, PV GAS đã thu xếp thành công các chuyến tàu nhập khẩu và tăng 5% sản lượng nội địa để phục vụ sản xuất điện.

Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV GAS) vừa thông báo đã thu xếp thành công hai chuyến tàu LNG với tổng khối lượng khoảng 140.000 tấn trong tháng 3/2026. Động thái này nhằm chủ động ứng phó với các biến động địa chính trị tại khu vực Trung Đông, đảm bảo nguồn nhiên liệu ổn định cho sản xuất điện và các hoạt động công nghiệp trong nước.
- **VIX – Chào bán gần 919 triệu cổ phiếu, dự kiến thu hơn 11.000 tỷ đồng:** Theo phương án phát hành, CTCP Chứng khoán VIX dự kiến chào bán 918,86 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:6. Theo đó, cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu sẽ nhận 10 quyền mua và có thể mua thêm 6 cổ phiếu mới với giá 12.000 đồng/cổ phiếu.

Đối với phần cổ phiếu lẻ phát sinh hoặc lượng cổ phiếu chưa được cổ đông đăng ký mua hết, Hội đồng quản trị sẽ phân phối cho các nhà đầu tư khác với mức giá không thấp hơn 12.000 đồng/cổ phiếu. Các cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 1 năm kể từ khi kết thúc đợt phát hành.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Lãi suất liên ngân hàng ngày 6/3 tiếp tục duy trì trong 5 – 6%. Nhờ tình hình thanh khoản ổn định hơn, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã tạm dừng bơm ròng và chuyển sang hút ròng trong 3 phiên gần đây, tổng cộng ~17,7 nghìn tỷ đồng. Tính chung trong tuần này 2/3 - 6/3, NHNN vẫn đang bơm ròng ~25,7 nghìn tỷ đồng qua kênh OMO.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,82	0,0	4,2	17,5	64,0
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/ni)	4,83	-12,2	-49,9	192,7	22,9
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,12	1,3	-4,2	-13,7	71,6
USD/VND	26.219	-0,1	-1,0	0,3	-2,7
DXY	99,11	-0,2	1,5	0,8	-4,8
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,16	0,6	-1,1	-0,1	-2,7
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,63	0,9	1,6	2,5	-8,7

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	5.107,90	0,6	3,2	17,7	74,5
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	81,53	0,6	28,3	42,0	22,9
Dầu Brent (USD/b) 1 thán	85,38	0,0	25,5	40,3	22,9
Thép (USD/tấn)	458,8	-0,1	-1,9	-2,6	-8,8
Thịt heo (USD/kg)	1,5	-0,8	-15,7	-18,1	-28,6
Gạo (USD/tấn)	489,4	3,4	-4,3	12,5	-17,4
Phân urea (USD/tấn)	441,5	3,0	14,4	28,9	11,8

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 02/03/2026	Việt Nam	Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất tháng 2.2026
Thứ Tư 04/03/2026	Trung Quốc	Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất và PMI lĩnh vực dịch vụ tháng 2.2026
Thứ Sáu 06/03/2026	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp tháng 2.2026
	Việt Nam	Các số liệu vĩ mô tháng 2.2026

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	6.995	5,4	3.281	51.200	73.300	44,2%	1,1%	16,9	2,6	17%
AST	129	0,0	5	74.900	85.400	17,4%	3,3%	13,6	5,7	45%
HVN	2.890	1,8	617	24.350	43.400	80,8%	2,6%	9,5	12,6	
VJC	3.529	11,4	829	156.400	113.600	-26,7%	0,6%	41,5	3,7	10%
Bán lẻ										
BAF	430	4,3	197	37.100	37.200	0,3%		68,8	2,8	3%
DGW	377	5,5	108	44.750	49.600	12,0%	1,1%	17,9	2,9	17%
FRT	978	3,5	161	150.600	150.300	0,0%	0,2%	32,3	4,9	26%
MCH	7.016	1,8	2.447	142.100	147.000	4,9%	1,4%	27,6	10,2	46%
MWG	4.632	25,9	61	82.700	96.300	17,7%	1,2%	17,3	3,7	23%
PNJ	1.490	7,9	5	114.500	109.900	-3,1%	0,9%	14,2	2,9	23%
QNS	684	0,3	277	48.800	53.400	11,5%	2,0%	8,0	1,4	18%
SAB	2.231	3,5	928	45.600	59.900	35,7%	4,4%	13,6	2,8	20%
VHC	507	3,2	403	59.200	71.300	23,8%	3,4%	9,7	1,4	15%
VNM	4.974	18,8	2.557	62.400	74.800	24,4%	4,6%	15,5	4,3	27%
Tài chính										
ACB	4.565	12,2	128	23.300	31.300	38,1%	3,7%	7,7	1,3	18%
BID	11.663	16,4	1.477	43.550	47.200	9,4%	1,0%	10,2	1,8	19%
CTG	10.561	23,1	492	35.650	49.000	38,3%	0,9%	8,0	1,6	21%
HDB	4.944	21,1	205	25.900	39.500	55,0%	2,5%	7,3	1,7	25%
LPB	4.814	3,3	204	42.250	33.400	-15,0%	5,9%	11,1	2,7	25%
MBB	8.203	30,9	2	26.700	32.900	25,1%	1,9%	8,0	1,6	22%
STB	4.587	30,0	711	63.800	45.700	-27,4%	1,0%	20,3	2,0	10%
TCB	8.500	17,3	0	31.450	40.300	31,3%	3,2%	8,8	1,3	16%
TPB	1.783	8,7	93	16.850	17.800	11,3%	5,7%	6,3	1,1	18%
VCB	19.631	26,3	1.850	61.600	69.300	13,2%	0,7%	14,6	2,3	17%
VIB	2.168	4,2	6	16.700	23.600	45,0%	3,7%	7,8	1,2	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.064	22,7	402	26.650	37.100	41,1%	1,9%	8,8	1,3	15%
Dệt may										
MSH	154	0,9	66	35.800	40.600	24,6%	11,2%	6,6	2,1	33%
TCM	109	1,5	2	25.500	29.800	18,8%	2,0%	11,8	1,2	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2.313	3,1	761	58.600	68.600	18,9%	1,9%	17,6	2,7	16%
GMD	1.269	5,5	104	78.000	72.000	-5,1%	2,6%	21,3	2,5	12%
HAH	406	5,6	93	63.000	55.400	-10,8%	1,2%	9,2	2,4	29%
VSC	348	8,4	165	24.350	19.100	-19,5%	2,1%	26,7	1,7	7%
IDC	627	5,9	220	43.300	45.600	8,8%	3,5%	8,5	2,5	32%
KBC	1.153	6,6	436	32.100	30.000	-5,4%	1,2%	13,0	1,2	10%
PHR	316	2,0	113	61.200	68.400	14,0%	2,2%	17,5	2,0	13%
VTP	453	3,5	198	97.600	129.200	33,5%	1,1%	34,1	6,7	21%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	1.059	15,1	434	73.100	128.300	79,6%	4,1%	9,8	1,8	20%
HPG	7.977	45,2	2.109	27.250	30.000	11,2%	1,1%	13,5	1,6	13%
Dầu khí										
BSR	7.076	18,8	3.314	37.050	16.700	-53,8%	1,2%	35,8	3,1	9%
GAS	10.317	13,2	4.821	112.100	78.400	-28,2%	1,8%	23,7	4,1	18%
OIL	888	4,7	54	22.500	14.800	-33,1%	1,1%	71,2	2,2	3%
PLX	3.005	15,3	133	62.000	47.700	-21,1%	1,9%	33,0	3,0	10%
PVD	897	12,0	326	42.300	32.600	-17,0%	5,9%	25,7	1,4	6%
PVS	995	15,4	324	51.000	41.800	-16,8%	1,3%	14,3	1,7	13%
PVT	550	5,8	209	30.700	23.400	-23,0%	0,7%	13,9	1,7	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	808	7,0	359	31.150	22.700	-24,4%	2,8%	20,7	1,9	10%
DCM	999	5,8	423	49.500	40.000	-15,2%	4,0%	15,5	2,4	16%
DDV	176	2,0	83	31.500	38.700	25,7%	2,9%	27,3	2,6	10%



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	92	1,1	44	30.000	34.100	15,3%	1,7%	178,6	2,0	1%
Điện										
POW	1.702	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
Điện và BĐS										
HDG	393	2,5	120	27.850	37.400	36,1%	1,8%	14,6	1,5	11%
PC1	442	6,4	149	28.150	26.500			12,5	1,8	15%
REE	1.281	1,4	0	62.000	76.600	25,2%	1,6%	13,3	1,6	13%
Bất động sản										
DXG	598	8,6	173	14.100	20.500	59,6%	14,2%	61,1	1,1	2%
KDH	1.100	6,2	234	25.700	41.800	63,8%	1,2%	29,3	1,6	5%
NLG	481	3,3	41	26.000	42.200	64,1%	1,8%	17,8	1,0	6%
VHM	14.882	34,2	6.238	95.000	93.600			9,5	1,7	19%
VRE	2.275	12,3	844	26.250	32.000	25,9%	4,0%	9,3	1,2	14%
Công nghệ										
FPT	5.302	40,8	752	81.600	118.200	46,1%	1,2%	14,8	3,8	28%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**Hội sở**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM

ĐT: +84 28 7300 0688

Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng

ĐT: +84 511 382 1111

Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An

ĐT: +84 23 8730 2886

Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

ĐT: +84 710 3766 959

Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh

ĐT: +84 98 8619 695

Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa

ĐT: +84 90 3255 202

Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

ĐT: +84 27 4222 2659

Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình

ĐT: +84 22 8352 8819

Fax: NA